

HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN***(Ban hành kèm theo quyết định số 606/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 14/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)***NGÀY THI: 09/6/2019, CẤP NGÀY 13/6/2019**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT001	Lê Nam Anh	16/10/1995	Bắc Giang	8,7	5,0	Đạt	CNTTCB2125	0717910	
2	CNTT003	Nguyễn Thị Ngọc Ái	22/9/1998	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	CNTTCB2126	0717909	
3	CNTT004	Nguyễn Văn Ân	25/02/1979	Bắc Giang	6,5	5,5	Đạt	CNTTCB2127	0717908	
4	CNTT008	Nguyễn Văn Chuyên	28/7/1981	Bắc Giang	6,5	6,0	Đạt	CNTTCB2128	0717907	
5	CNTT010	Nguyễn Văn Doanh	25/6/1996	Bắc Giang	6,2	7,0	Đạt	CNTTCB2129	0717906	
6	CNTT011	Trần Văn Duy	11/7/1993	Bắc Giang	6,7	6,5	Đạt	CNTTCB2130	0717905	
7	CNTT012	Triệu Đàm Duy	09/3/1992	Bắc Giang	6,5	6,0	Đạt	CNTTCB2131	0717904	
8	CNTT013	Nguyễn Thị Thanh Duyên	18/10/1998	Bắc Giang	8,5	8,0	Đạt	CNTTCB2132	0717903	
9	CNTT015	Cao Hải Đức	12/7/1993	Nghệ An	7,0	5,0	Đạt	CNTTCB2133	0717902	
10	CNTT016	Lương Ngọc Đức	10/12/1976	Bắc Giang	6,0	5,0	Đạt	CNTTCB2134	0717901	
11	CNTT017	Hoàng Thị Giang	17/9/1994	Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	CNTTCB2135	0717900	
12	CNTT018	Nguyễn Thị Hà Giang	15/12/1993	Bắc Giang	6,2	5,5	Đạt	CNTTCB2136	0717899	
13	CNTT019	Nguyễn Mạnh Hà	19/7/1980	Bắc Giang	7,2	5,5	Đạt	CNTTCB2137	0717898	
14	CNTT020	Nguyễn Văn Hà	15/10/1975	Bắc Giang	7,2	6,0	Đạt	CNTTCB2138	0717897	
15	CNTT021	Hoàng Thị Hiền	29/12/1997	Bắc Giang	7,5	5,5	Đạt	CNTTCB2139	0717896	
16	CNTT022	Hoàng Thị Hiền	24/4/1990	Bắc Giang	6,5	5,5	Đạt	CNTTCB2140	0717895	
17	CNTT023	Nguyễn Thu Hiền	24/10/1998	Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	CNTTCB2141	0717894	
18	CNTT024	Nguyễn Thị Hiện	03/02/1968	Bắc Giang	5,5	6,5	Đạt	CNTTCB2142	0717893	
19	CNTT025	Nguyễn Thị Hoa	02/10/1997	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	CNTTCB2143	0717892	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT026	Nguyễn Thị	Hồng	21/11/1994	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	CNTTCB2144	0717891	
21	CNTT028	Nguyễn Thị	Huệ	10/11/1988	Bắc Giang	6,7	6,5	Đạt	CNTTCB2145	0717890	
22	CNTT029	Tạ Văn	Hùng	10/8/1973	Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	CNTTCB2146	0717889	
23	CNTT030	Nguyễn Văn	Hung	17/10/1980	Bắc Giang	8,7	7,0	Đạt	CNTTCB2147	0717888	
24	CNTT031	Nông Thị	Hương	27/10/1992	Bắc Giang	6,5	6,5	Đạt	CNTTCB2148	0717887	
25	CNTT032	Thân Thị Lan	Hương	28/01/1994	Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	CNTTCB2149	0717886	
26	CNTT033	Nông Hoài	Khanh	26/10/1998	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	CNTTCB2150	0717885	
27	CNTT034	Dương Thị	Khánh	12/9/1997	Bắc Giang	6,0	6,5	Đạt	CNTTCB2151	0717884	
28	CNTT035	Nguyễn thị Bích	Lành	11/8/1998	Bắc Giang	6,7	6,0	Đạt	CNTTCB2152	0717883	
29	CNTT036	Phạm Thảo	Ly	24/5/1996	Bắc Giang	7,0	5,0	Đạt	CNTTCB2153	0717882	
30	CNTT037	Lê Văn	Mạnh	26/10/1996	Bắc Giang	7,7	5,0	Đạt	CNTTCB2154	0717881	
31	CNTT038	Toàn Thị	Mặn	02/02/1993	Bắc Giang	6,7	6,0	Đạt	CNTTCB2155	0717880	
32	CNTT039	Bùi Thị Hoàng	Minh	01/02/1991	Bắc Giang	6,5	6,0	Đạt	CNTTCB2156	0717879	
33	CNTT041	Tô Thị	Năm	13/10/1974	Bắc Giang	5,7	5,0	Đạt	CNTTCB2157	0717878	
34	CNTT042	Ninh Thị Thu	Nga	09/11/1993	Bắc Giang	7,2	7,5	Đạt	CNTTCB2158	0717877	
35	CNTT043	Dương Văn	Ngân	05/11/1970	Bắc Giang	6,2	5,5	Đạt	CNTTCB2159	0717876	
36	CNTT044	Lê Thị	Ngoan	25/01/1998	Bắc Giang	6,2	5,5	Đạt	CNTTCB2160	0717875	
37	CNTT045	Ngô Thị Ánh	Ngọc	02/8/1992	Bắc Giang	6,5	7,5	Đạt	CNTTCB2161	0717874	
38	CNTT046	Nguyễn Thị	Ngọc	20/9/1998	Bắc Giang	5,5	6,5	Đạt	CNTTCB2162	0717873	
39	CNTT047	Nông Thị	Ngọc	22/11/1996	Yên Bái	5,5	6,5	Đạt	CNTTCB2163	0717872	
40	CNTT048	Cam Thị	Nhất	26/11/1996	Bắc Giang	5,0	6,0	Đạt	CNTTCB2164	0717871	
41	CNTT049	Nguyễn Minh	Phương	04/3/1993	Thái Nguyên	6,0	7,0	Đạt	CNTTCB2165	0717870	
42	CNTT050	Nguyễn Văn	Sơn	07/7/1995	Nghệ An	8,0	6,5	Đạt	CNTTCB2166	0717869	
43	CNTT051	Giáp Thị	Sự	13/11/1981	Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	CNTTCB2167	0717868	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT052	Phạm Văn	Tạo	01/01/1974	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	CNTTCB2168	0717867	
45	CNTT053	Trịnh Huy	Thân	19/7/1978	Bắc Giang	6,5	5,5	Đạt	CNTTCB2169	0717866	
46	CNTT054	Chu Thị	Thom	10/6/1998	Bắc Giang	5,0	6,5	Đạt	CNTTCB2170	0717865	
47	CNTT055	Dương Thị	Thu	15/9/1994	Bắc Giang	6,0	7,0	Đạt	CNTTCB2171	0717864	
48	CNTT056	Nguyễn Thị Thu	Thủy	05/8/1995	Bắc Giang	6,7	7,0	Đạt	CNTTCB2172	0717863	
49	CNTT058	Vũ Thị Ánh	Thương	21/01/1983	Bắc Giang	6,7	6,5	Đạt	CNTTCB2173	0717862	
50	CNTT059	Dương Đức	Tiến	27/10/1990	Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	CNTTCB2174	0717861	
51	CNTT060	Giáp Thị Huyền	Trang	04/9/1997	Bắc Giang	5,5	6,0	Đạt	CNTTCB2175	0717860	
52	CNTT061	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/10/1998	Bắc Giang	6,7	6,0	Đạt	CNTTCB2176	0717859	
53	CNTT062	Trần Thị	Tuyết	20/5/1995	Bắc Giang	7,0	7,5	Đạt	CNTTCB2177	0717858	
54	CNTT065	Lê Thị Thúy	An	10/8/1992	Bắc Giang	7,5	6,0	Đạt	CNTTCB2178	0717857	
55	CNTT066	Giáp Thị Ngọc	Bích	07/7/1997	Bắc Giang	7,7	8,5	Đạt	CNTTCB2179	0717856	
56	CNTT067	Hà Thị	Chung	07/6/1985	Bắc Giang	6,5	7,5	Đạt	CNTTCB2180	0717855	
57	CNTT068	Đặng Thị Bạch	Cúc	02/6/1997	Bắc Giang	6,7	8,0	Đạt	CNTTCB2181	0717854	
58	CNTT069	Nguyễn Thị	Diễm	16/6/1995	Bắc Giang	6,7	7,5	Đạt	CNTTCB2182	0717853	
59	CNTT071	Hoàng Thị Thùy	Dung	25/12/1995	Bắc Giang	6,5	7,5	Đạt	CNTTCB2183	0717852	
60	CNTT074	Nguyễn Thị	Giang	25/02/1995	Bắc Giang	7,0	8,0	Đạt	CNTTCB2184	0717851	
61	CNTT075	Nguyễn Thị	Hà	16/10/1986	Bắc Giang	8,0	6,5	Đạt	CNTTCB2185	0717850	
62	CNTT076	Nguyễn Thị	Hải	14/9/1993	Bắc Giang	6,0	7,5	Đạt	CNTTCB2186	0717849	
63	CNTT077	Nguyễn Trung	Hải	30/4/1977	Bắc Giang	6,2	7,5	Đạt	CNTTCB2187	0717848	
64	CNTT078	Phan Thị Mai	Hạnh	16/5/1979	Bắc Giang	5,7	7,0	Đạt	CNTTCB2188	0717847	
65	CNTT079	Ngô Thị Thanh	Hằng	10/7/1995	Bắc Giang	5,7	6,0	Đạt	CNTTCB2189	0717846	
66	CNTT080	Thân Thị Thu	Hằng	19/9/1992	Bắc Giang	6,0	6,5	Đạt	CNTTCB2190	0717845	
67	CNTT081	Giáp Thị	Hiền	29/8/1991	Bắc Giang	6,5	8,0	Đạt	CNTTCB2191	0717844	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT082	Hoàng Thị	Hiền	04/11/1990	Bắc Giang	6,7	6,0	Đạt	CNTTCB2192	0717843	
69	CNTT084	Lại Thị	Hoa	16/4/1992	Bắc Giang	6,0	6,5	Đạt	CNTTCB2193	0717842	
70	CNTT085	Nguyễn Thị	Hoa	08/01/1995	Bắc Giang	7,0	5,5	Đạt	CNTTCB2194	0717841	
71	CNTT086	Hoàng Thị	Hoà	25/8/1997	Bắc Giang	5,7	7,0	Đạt	CNTTCB2195	0717840	
72	CNTT088	Hà Thị	Hợp	04/6/1969	Bắc Giang	5,7	6,5	Đạt	CNTTCB2196	0717839	
73	CNTT089	Diệp Thị	Huyền	29/9/1996	Bắc Giang	6,2	6,5	Đạt	CNTTCB2197	0717838	
74	CNTT090	Nguyễn Thị	Huyền	25/7/1987	Tuyên Quang	6,0	7,0	Đạt	CNTTCB2198	0717837	
75	CNTT091	Nguyễn Thị Mai	Hương	28/8/1982	Bắc Giang	5,5	7,0	Đạt	CNTTCB2199	0717836	
76	CNTT092	Dương Thị	Hường	21/5/1994	Bắc Giang	6,7	7,5	Đạt	CNTTCB2200	0717835	
77	CNTT094	Vi Thị	Lập	15/4/1997	Bắc Giang	6,0	8,0	Đạt	CNTTCB2201	0717834	
78	CNTT095	Đào Thị Hồng	Lê	28/01/1991	Bắc Giang	6,0	7,0	Đạt	CNTTCB2202	0717833	
79	CNTT096	Lê Thị	Lệ	09/11/1996	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	CNTTCB2203	0717832	
80	CNTT097	Nguyễn Thị	Liên	21/5/1994	Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	CNTTCB2204	0717831	
81	CNTT098	Nguyễn Tiến	Linh	03/12/1984	Bắc Giang	6,2	5,0	Đạt	CNTTCB2205	0717830	
82	CNTT099	Nguyễn Thị	Mai	18/4/1996	Hà Nội	6,2	5,0	Đạt	CNTTCB2206	0717829	
83	CNTT100	Trương Thị	Ngân	02/11/1982	Bắc Giang	5,5	5,0	Đạt	CNTTCB2207	0717828	
84	CNTT101	Chu Thị Mỹ	Nguyên	30/10/1976	Bắc Giang	5,7	5,0	Đạt	CNTTCB2208	0717827	
85	CNTT102	Nông Thị	Nguyệt	26/01/1997	Bắc Giang	6,5	6,5	Đạt	CNTTCB2209	0717826	
86	CNTT103	Kiều Thị	Nhàn	18/9/1988	Bắc Giang	5,2	6,0	Đạt	CNTTCB2210	0717825	
87	CNTT105	Tăng Thị	Quy	08/9/1995	Bắc Giang	6,2	7,5	Đạt	CNTTCB2211	0717824	
88	CNTT106	Nguyễn Quý	Thanh	01/02/1968	Bắc Giang	5,7	5,5	Đạt	CNTTCB2212	0717823	
89	CNTT107	Nông Thị Hồng	Thanh	09/11/1997	Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	CNTTCB2213	0717822	
90	CNTT108	Bàn Thị	Thom	23/12/1996	Bắc Giang	6,0	5,0	Đạt	CNTTCB2214	0717821	
91	CNTT109	Vũ Thị	Thu	13/7/1996	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	CNTTCB2215	0717820	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành				
92	CNTT110	Nguyễn Thị Thu Thủy	18/12/1997	Bắc Giang	6,7	7,0	Đạt	CNTTCB2216	0717819	
93	CNTT112	Nguyễn Thị Thùy	27/4/1991	Hưng Yên	7,0	6,5	Đạt	CNTTCB2217	0717818	
94	CNTT113	Nguyễn Văn Tuấn	05/4/1989	Bắc Giang	7,7	7,0	Đạt	CNTTCB2218	0717817	
95	CNTT115	Nguyễn Văn Túc	14/5/1996	Hà Giang	6,5	6,0	Đạt	CNTTCB2219	0717816	
96	CNTT116	Nguyễn Thị Tuyền	20/8/1987	Bắc Giang	6,0	6,5	Đạt	CNTTCB2220	0717815	
97	CNTT118	Thân Thị Tuyết	08/10/1995	Bắc Giang	7,5	6,0	Đạt	CNTTCB2221	0717814	
98	CNTT119	Phạm Thị Vải	25/11/1990	Hưng Yên	6,5	5,0	Đạt	CNTTCB2222	0717813	
99	CNTT120	Ngô Thị Vân	19/10/1989	Hưng Yên	7,5	6,0	Đạt	CNTTCB2223	0717812	
100	CNTT121	Phan Thị Vui	01/4/1996	Bắc Giang	6,0	6,5	Đạt	CNTTCB2224	0717811	
101	CNTT122	Nguyễn Thị Vững	11/9/1992	Bắc Giang	6,7	6,5	Đạt	CNTTCB2225	0717810	
102	CNTT123	Diêm Thị Yên	20/9/1994	Bắc Giang	6,7	7,0	Đạt	CNTTCB2226	0717809	
103	CNTT124	Mông Thị Hải Yên	06/12/1991	Bắc Giang	7,2	5,5	Đạt	CNTTCB2227	0717808	
104	CNTT125	Ngô Thị Yên	06/02/1984	Bắc Giang	7,2	6,5	Đạt	CNTTCB2228	0717807	
105	CNTT126	Trương Thị Yên	12/01/1997	Bắc Giang	5,5	6,5	Đạt	CNTTCB2229	0717806	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

105

Bắc Giang, ngày 13 tháng 6 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XÉT KẾT QUẢ THI

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI XÉT KẾT QUẢ THI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Tuấn Điệp

ThS. Nguyễn Việt Đức

ThS. Đỗ Thị Huyền